



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -
Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2015**



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		560.866.564.058	602.147.302.960
Tiền	110	4	31.844.639.840	49.279.280.881
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		194.028.382.154	170.981.445.093
Phải thu khách hàng	131	6	166.778.797.648	150.689.094.405
Trả trước cho người bán	132		11.214.460.550	9.438.826.565
Các khoản phải thu khác	136	7	17.200.533.353	12.018.933.520
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.213.846.991)	(1.213.846.991)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	8	48.437.594	48.437.594
Hàng tồn kho	140	9	214.707.594.147	256.630.078.008
Tài sản ngắn hạn khác	150		70.285.947.917	75.256.498.978
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14	20.214.256.879	12.993.021.952
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.554.709.623	42.009.178.835
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		15.369.359.124	20.203.148.191
Tài sản ngắn hạn khác	155		147.622.291	51.150.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		1.247.554.828.723	1.272.000.325.302
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	9.167.950.141	2.341.143.141
Tài sản cố định	220		1.181.398.984.283	1.207.164.774.083
Tài sản cố định hữu hình	221	10	695.107.136.436	719.221.946.335
<i>Nguyên giá</i>	222		1.237.721.807.957	1.238.993.181.336
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(542.614.671.521)	(519.771.235.001)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	203.615.560.079	204.769.918.076
<i>Nguyên giá</i>	225		268.294.607.482	261.662.643.040
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(64.679.047.403)	(56.892.724.964)
Tài sản cố định vô hình	227	12	282.676.287.768	283.172.909.672
<i>Nguyên giá</i>	228		299.524.478.627	299.362.906.127
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(16.848.190.859)	(16.189.996.455)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	8.447.684.546	8.459.453.546
Tài sản dài hạn khác	260		48.540.209.753	54.034.954.532
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	11.238.657.086	9.509.569.738
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		386.907.061	386.907.061
Thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn	263		97.300.621	-
Tài sản dài hạn khác	268		2.300.192.223	7.973.062.223
Lợi thế thương mại	269	15	34.517.152.762	36.165.415.510
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.808.421.392.781	1.874.147.628.262

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.186.599.268.854	1.265.431.160.315
Nợ ngắn hạn	310		1.008.045.821.913	1.091.117.692.306
Phải trả người bán	311	16	107.591.304.023	133.954.479.832
Người mua trả tiền trước	312		17.788.178.798	18.939.458.086
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	18	6.450.483.547	2.791.929.708
Phải trả người lao động	314		1.434.002.958	2.431.281.033
Chi phí phải trả	315	19	12.762.770.704	22.983.163.926
Các khoản phải trả khác	319	20	5.716.010.575	11.359.171.777
Vay và nợ thuê tài chính	320	17	853.325.316.872	895.663.106.851
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.977.754.436	2.995.101.093
Nợ dài hạn	330		178.553.446.941	174.313.468.009
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	144.765.782.732	140.525.803.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		33.787.664.209	33.787.664.209
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		621.822.123.927	608.716.467.947
Vốn chủ sở hữu	410	21	621.822.123.927	608.716.467.947
Vốn cổ phần	411	22	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	415	22	(88.088.780.000)	(88.088.780.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.714.053.793	5.714.053.793
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	11.293.166.612	11.293.166.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	192.503.849	192.503.849
Lợi nhuận chưa phân phối	421		128.876.853.373	97.820.924.123
<i>Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		115.654.622.743	76.398.665.430
<i>Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này</i>	421b		13.222.230.629	21.422.258.693
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(5.565.673.700)	12.384.599.570
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		1.808.421.392.781	1.874.147.628.262

Ngày 18 tháng 4 năm 2015

Người lập:


 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Kim Chi
 Phó tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này 2

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Quý I.2015 VND	Quý I .2014 VND
Tổng doanh thu	01	26	410.029.080.017	428.375.135.242
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	3.322.284.243	502.173.854
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	406.706.795.774	427.872.961.388
Giá vốn hàng bán	11		290.949.035.499	327.914.191.348
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		115.757.760.275	99.958.770.040
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	299.461.394	673.646.007
Chi phí tài chính	22	28	17.208.685.060	21.018.908.761
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.347.704.153</i>	<i>20.567.872.375</i>
Chi phí bán hàng	25		55.162.624.297	49.604.949.700
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		18.185.969.845	18.822.442.344
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		25.499.942.467	11.186.115.242
Thu nhập khác	31	29	408.659.363	610.331.383
Chi phí khác	32	30	2.197.358.883	349.071.090
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.788.699.520)	261.260.293
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.711.242.947	11.447.375.535
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	10.605.586.968	3.114.050.148
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	92.619.102
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.105.655.979	8.240.706.285

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý I năm 2015(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông không kiểm soát	61		(116.574.650)	471.371.003
Cổ đông của Công ty	62		13.222.230.629	7.769.335.282
			<hr/>	<hr/>
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	254	149
			<hr/>	<hr/>

Ngày 18 tháng 4 năm 2015

Người lập:



Đổng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Kim Chi
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý I năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Mã Thuyết số minh	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	01	23.711.242.948	11.447.375.535
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	34.286.939.796	22.516.982.370
Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư	05	1.302.651.855	(56.983.752)
Chi phí lãi vay	06	16.347.704.153	20.567.872.375
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	75.648.538.752	54.475.246.528
Biến động khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(12.106.388.694)	(34.445.368.836)
Biến động hàng tồn kho	10	41.922.483.861	52.134.830.739
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(38.745.576.899)	(13.426.596.499)
Biến động chi phí trả trước	12	(8.950.322.275)	(1.536.629.135)
		(17.879.804.007)	2.726.236.269
Tiền lãi vay đã trả	14	(25.600.318.058)	(21.125.295.174)
Thuế thu nhập đã nộp	15	(3.324.129.921)	(3.677.297.403)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.577.657)	(3.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	28.838.709.109	32.395.790.220
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(8.207.187.484)	(3.880.928.113)
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	25	-	(70.000.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	31.648.381	56.983.752
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.175.539.103)	(73.823.944.361)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

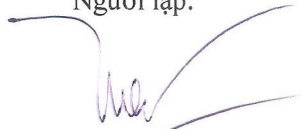
Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý I năm 2015 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã	Thuyết	Quý I.2015	Quý I.2014
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		439.297.159.243	417.026.244.507
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(464.327.867.072)	(407.559.066.550)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(13.067.103.218)	(12.589.380.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(38.097.811.047)	(3.122.202.979)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(17.434.641.041)	(44.550.357.120)
Tiền đầu năm	60		49.279.280.881	71.595.361.478
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	31.844.639.840	27.045.004.358

Ngày 18 tháng 4 năm 2015

Người lập:


 Đồng Thị Ngọc Triều
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Kim Chi
 Phó tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại, sản xuất thực phẩm, hải sản, sữa và các sản phẩm liên quan và nước giải khát không cồn.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày quyền kiểm soát kết thúc.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay qui đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty và các công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi Công ty hoặc công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi Công ty hoặc các công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa	5 – 25 năm
thiết bị văn phòng	4 – 8 năm
máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn hữu dụng xác định được phân bổ theo thời gian hữu dụng từ 43 đến 50 năm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm phí cấp tín dụng trung dài hạn, phí phát hành trái phiếu và chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ✓ Tài sản tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ✓ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ✓ các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ✓ các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- ✓ các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ✓ các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ✓ các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ✓ các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ✓ các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ✓ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ✓ các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tiền gửi ngắn hạn (các khoản đầu tư ngắn hạn) được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các tài sản tài chính khác trong bảng cân đối kế toán được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ✓ Nợ phải trả tài chính được Tập đoàn phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ✓ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Toàn bộ nợ phải trả tài chính trong bảng cân đối kế toán được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Tiền

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	3.981.735.159	5.985.754.336
Tiền gửi ngân hàng	27.862.904.681	43.293.526.545
	<hr/>	<hr/>
	31.844.639.840	49.279.280.881
	<hr/>	<hr/>

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm.

6. Phải thu của khách hàng

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Nước Giải Khát Coca Cola Việt Nam	28.217.266.288	15.094.733.077
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	26.553.860.966	26.735.836.990
Các khoản phải thu khách hàng khác	112.007.670.394	108.858.524.338
	<hr/>	<hr/>
	166.778.797.648	150.689.094.405
	<hr/>	<hr/>

7. Phải thu khác

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu người lao động	6.818.272.148	2.502.192.499
Phải thu thuế giá trị gia tăng thuế tài chính	7.992.238.345	7.750.116.698
Phải thu khác	2.390.022.860	1.766.624.323
	<hr/>	<hr/>
	17.200.533.353	12.018.933.520
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	9.167.950.141	2.341.143.141
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng tồn kho	48.437.594	48.437.594
	<hr/>	<hr/>
	48.437.594	48.437.594

9. Hàng tồn kho

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng đang đi đường	-	9.489.232.538
Nguyên vật liệu	99.586.144.066	125.111.576.480
Công cụ và dụng cụ	4.175.277.787	4.222.987.903
Sản phẩm dở dang	40.939.898.119	45.493.675.396
Thành phẩm	64.453.995.572	65.202.764.751
Hàng hóa	1.996.990.583	2.498.465.520
Hàng gửi đi bán	3.555.288.020	4.611.375.420
	<hr/>	<hr/>
	214.707.594.147	256.630.078.008

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị Văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	177.017.805.077	1.008.981.976.539	43.137.242.634	9.856.157.086	1.238.993.181.336
Tăng trong kỳ		1.342.495.052		71.155.490	1.413.650.542
Thanh lý		(2.685.023.921)			(2.685.023.921)
Số dư cuối kỳ	177.017.805.077	1.007.639.447.670	43.137.242.634	9.927.312.576	1.237.721.807.957
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	42.473.413.647	452.158.576.891	19.574.781.032	5.564.463.431	519.771.235.001
Khấu hao trong kỳ	2.229.462.270	20.462.805.003	1.167.328.921	334.564.011	24.194.160.205
Thanh lý		(1.350.723.685)			(1.350.723.685)
Số dư cuối kỳ	44.702.875.917	471.270.658.209	20.742.109.953	5.899.027.442	542.614.671.521
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	134.544.391.430	556.823.399.648	23.562.461.602	4.291.693.655	719.221.946.335
Số dư cuối kỳ	132.314.929.160	536.368.789.461	22.395.132.681	4.028.285.134	695.107.136.436

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	210.013.970.792	51.648.672.248	261.662.643.040
Tăng trong kỳ		6.631.964.442	6.631.964.442
Số dư cuối kỳ	210.013.970.792	58.280.636.690	268.294.607.482
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	53.891.991.578	3.000.733.386	56.892.724.964
Khấu hao trong kỳ	6.891.689.325	894.633.114	7.786.322.439
Số dư cuối kỳ	60.783.680.903	3.895.366.500	64.679.047.403
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	156.121.979.214	48.647.938.862	204.769.918.076
Số dư cuối kỳ	149.230.289.889	54.385.270.190	203.615.560.079

Tập đoàn thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	297.398.974.953	1.963.931.174	299.362.906.127
Tăng trong kỳ		161.572.500	161.572.500
Số dư cuối kỳ	297.398.974.953	2.125.503.674	299.524.478.627
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	14.374.024.216	1.815.972.239	16.189.996.455
Khấu hao trong kỳ	612.739.797	45.454.607	658.194.404
Số dư cuối năm	14.986.764.013	1.861.426.846	16.848.190.859
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	283.024.950.737	147.958.935	283.172.909.672
Số dư cuối kỳ	282.412.210.940	264.076.828	282.676.287.768

Trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.459.453.546	63.407.746.632
Tăng trong kỳ	2.663.058.770	20.811.591.341
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(72.955.852.415)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(2.674.827.770)	(2.707.500.252)
Xóa sổ	-	(96.531.760)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.447.684.546	8.459.453.546

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phần mềm ERP	7.356.980.546	7.356.980.546
Máy móc	570.000.000	570.000.000
Khác	520.704.000	532.473.000
	<hr/>	<hr/>
	8.447.684.546	8.459.453.546

14. Chi phí trả trước

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	6.366.790.062	3.593.286.177
Thưởng thành tích	2.863.216.975	-
Khuôn mẫu	7.094.391.215	7.084.269.925
Khác	3.889.858.627	2.315.465.850
	<hr/>	<hr/>
	20.214.256.879	12.993.021.952
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	10.079.901.481	8.824.857.548
Khác	1.158.755.605	684.712.190
	<hr/>	<hr/>
	11.238.657.086	9.509.569.738

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	65.930.509.910
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu kỳ	29.765.094.400
Phân bổ trong kỳ	1.648.262.748
Số dư cuối kỳ	31.413.357.148
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	36.165.415.510
Số dư cuối kỳ	34.517.152.762

16 .Phải trả người bán

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Aci Chemicals Asia Inc	14.344.942.500	20.466.784.800
Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	13.211.638.440	11.426.749.950
Unilever Asia Private Limited	5.494.445.022	12.630.720.593
Các khoản phải trả người bán khác	74.540.278.061	89.430.224.489
	107.591.304.023	133.954.479.832

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Vay ngắn hạn

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	780.383.001.088	800.048.255.808
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 21)	72.942.315.784	95.614.851.043
	<hr/>	<hr/>
	853.325.316.872	895.663.106.851

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/03/2015	31/12/2014
			VND	VND
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,5%	228.227.544.787	199.240.811.234
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	3,5%	169.541.218.041	199.256.237.315
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,5%	22.554.313.853	32.895.204.268
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,5%	112.398.311.304	198.332.495.649
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,5%	58.777.251.967	147.064.810.342
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,5%	66.269.900.155	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	6,5%	87.219.334.256	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	USD	3,5%	2.874.144.000	-
Ngân hàng Bảo Việt	VND	7,0%	32.520.982.725	23.258.697.000
			<hr/>	<hr/>
			780.383.001.088	800.048.255.808

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.281.189.285	938.610.651
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.346.893.258	899.225.279
Thuế thu nhập cá nhân	1.822.401.004	954.093.778
	<hr/>	<hr/>
	6.450.483.547	2.791.929.708
	<hr/>	<hr/>

19. Chi phí phải trả

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	594.535.096	1.082.225.464
Trích lương và thưởng	2.274.771.538	11.099.157.295
Chiết khấu bán hàng	3.759.672.727	5.240.920.458
Chi phí khác	6.133.791.343	5.560.860.709
	<hr/>	<hr/>
	12.762.770.704	22.983.163.926

20. Các khoản phải trả khác

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ký quỹ của khách hàng	3.498.749.893	9.108.810.282
Các khoản phải trả khác	2.217.260.682	2.250.361.495
	<hr/>	<hr/>
	5.716.010.575	11.359.171.777
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Vay và nợ dài hạn

		31/03/2015 VND	31/12/2014 VND
Vay dài hạn	(a)	108.646.081.183	121.241.275.183
Nợ thuê tài chính	(b)	109.062.017.333	114.899.379.660
		<hr/>	<hr/>
		217.708.098.516	236.140.654.843
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 17)		(72.942.315.784)	(95.614.851.043)
		<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng		144.765.782.732	140.525.803.800
		<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính như sau:

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/03/2015 VND	31/12/2015 VND
Ngân hàng Bảo Việt	VND	12,0%	2016	36.241.275.183	41.241.275.183
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	VND	11,1%	2018	72.404.806.000	80.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
				108.646.081.183	121.241.275.183
				<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)

(b) Nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính trong tương lai như sau:

	31/03/2015		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	55.202.563.187	8.432.354.185	46.770.209.002
Từ hai đến năm năm	70.780.552.204	8.488.743.873	62.291.808.331
	<hr/> 125.983.115.391	<hr/> 16.921.098.058	<hr/> 109.062.017.333
	<hr/>		
	31/12/2014		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	54.818.167.184	9.584.092.141	45.234.075.043
Từ hai đến năm năm	77.855.776.730	8.190.472.113	69.665.304.617
	<hr/> 132.673.943.914	<hr/> 17.774.564.254	<hr/> 114.899.379.660
	<hr/>		

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND		Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Quý I. 2014									
Số dư đầu kỳ 01/01/2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	57.667.102.902	643.945.994.706	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	7.769.335.282	7.769.335.282	
Số dư cuối kỳ 31.03.2014	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	5.714.053.793	10.973.114.162	192.503.849	65.436.438.184	651.715.329.988	
Quý I. 2015									
Số dư đầu kỳ 01/01/2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	97.820.924.123	596.331.868.377	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	13.222.230.629	13.222.230.629	
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	17.833.698.620	17.833.698.620	
Số dư cuối kỳ 31.03.2015	522.500.000.000	46.900.000.000	(88.088.780.000)	5.714.053.793	11.293.166.612	192.503.849	128.876.853.372	627.387.797.626	

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/03/2015		31/12/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(78)	(780.000)	(78)	(780.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	32,08%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	20,20%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	19,87%
Red River Holding	1.633.874	3,39%
Cổ đông khác	11.455.766	23,74%
	48.245.922	100%

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

(iii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

25. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	31/03/2015	31/12/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	12.384.599.570	2.409.778.278
Ảnh hưởng của việc mua lại cổ phiếu từ tập đoàn		30.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuộc các cổ đông không kiểm soát	(116.574.650)	2.551.344.820
Điều chỉnh khác	(17.833.698.620)	7.393.476.472
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	(5.565.673.700)	12.384.599.570
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Tổng doanh thu		
Hàng hóa đã bán	410.029.080.017	428.375.135.242
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	2.295.229.246	71.672.083
Hàng bán bị trả lại	1.027.054.997	430.501.771
	3.322.284.243	502.173.854
Doanh thu thuần	406.706.795.774	427.872.961.388

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Lãi tiền gửi	31.648.381	400.461.121
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	237.242.415	265.542.877
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.570.598	7.642.009
	299.461.394	673.646.007

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm
2015(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Chi phí tài chính

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Chi phí lãi vay	16.347.704.153	20.567.872.375
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	702.207.863	451.036.386
Chi phí tài chính khác	158.773.044	
	17.208.685.060	21.018.908.761

29. Thu nhập khác

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Thu nhập khác	408.659.363	610.331.383
	408.659.363	610.331.383

30. Chi phí khác

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Phạt truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.692.808.572	-
Chi phí khác	504.550.311	349.071.090
	1.692.808.572	349.071.090

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 –
DN/HN**

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	10.605.586.968	3.114.050.148
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		92.619.102
Chi phí thuế thu nhập	10.605.586.968	3.206.669.250

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ hoạt động kinh doanh tại nhà máy ở Huyện Củ Chi của Công ty, chịu thuế suất 15%.

Công ty Cổ phần Bánh kẹo và Sữa Hoàng Đế có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần PET Quốc tế và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt bằng 20% và 15% trên lợi nhuận chịu thuế. Tuy nhiên, cả hai công ty đều được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và 25% cho các năm tiếp theo và được miễn thuế thu nhập trong 2 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập cho 4 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thu ộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	13.222.230.629	7.769.335.282

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2015	2014
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm		
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.096.334	52.096,334

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có quan hệ bên liên quan với các cổ đông chính. Tập đoàn cũng có quan hệ bên liên quan với công ty liên kết, các giám đốc và các cán bộ quản lý.

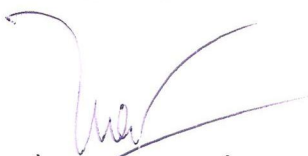
Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% sở hữu
Các công ty con			
Công ty Cổ phần Sữa và Bánh kẹo Hoàng Đế	Sản xuất và kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm	3900419455	95%
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, khuôn mẫu và sản phẩm công nghiệp	3900785589	98%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Sản xuất nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước giải khát không cồn; sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	3400811368	99%
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Sản xuất bao bì bằng nhựa	4103009341	99%
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Sản xuất bao bì bằng nhựa, khuôn kim loại	3901102796	99%

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Quý I.2015 VND	Quý I.2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	252.822.204.173	272.490.141.812
Chi phí nhân công	44.803.819.562	40.871.273.181
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.638.677.048	29.600.321.491
Chi phí khác	70.120.764.939	72.027.496.619

Ngày 18 tháng 4 năm 2015

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thị Kim Chi
Phó Tổng Giám đốc

